

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 75/2022/HS-ST
Ngày 15-9-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình

Ông Nông Dương Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 131/2022/QĐ-TA ngày 26 tháng 8 năm 2022, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 145/2022/QĐ-TA ngày 14 tháng 9 năm 2022, đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Phi T, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2000 tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Nơi tạm trú và chỗ ở: Thôn G, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi D và bà Trần Thị V; có vợ là Nguyễn Thị L, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 22-01-2022 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Đình T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2000 tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Trần Thị Thanh L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 22-

01-2022 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Xuân T, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2000 tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 22-01-2022 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi T:* Ông Lâm Xuân T, Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Các bị hại:*

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn H, xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội; vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Tổ 3, ấp M, xã M, huyện P, tỉnh Cần Thơ. Nơi tạm trú và chỗ ở: Xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Anh Nguyễn Trường X, sinh năm 1991; trú tại: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt;

4. Chị Doãn Thị Thu H, sinh năm 1990; trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; vắng mặt;

5. Anh Trần Xuân H, sinh năm 1997; trú tại: Phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt;

6. Anh Tàng Văn T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

7. Chị Đoàn Thị C, sinh năm 1982; trú tại: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1974; trú tại: Đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9-2021, Nguyễn Phi T được Nguyễn Đình T và Nguyễn Xuân T trao đổi cách thức chiếm đoạt tiền của người khác bằng hình thức thông qua mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

Từ tháng 10-2021 đến tháng 01-2022, các bị cáo liên hệ với người có tên “Lê T” trên mạng xã hội Zalo để mua tài khoản Facebook, mỗi người mua 01 tài khoản Facebook và lập Fanpage trên Facebook mang các tên “Hỗ trợ vay vốn”, “Hỗ trợ vốn lãi xuất thấp, giải ngân nhanh”, “Hỗ trợ vay nhanh”, số tiền vay từ

10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Các bị cáo chạy quảng cáo trên Facebook để tiếp cận những người có nhu cầu vay vốn (sau đây gọi tắt là bị hại). Khi các bị hại nhắn tin vào các trang trên để đăng ký vay tiền thì các bị cáo nhắn tin trả lời “hồ sơ vay vốn cần ảnh chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân, thẻ ATM ngân hàng và cung cấp số điện thoại đăng ký lập tài khoản ngân hàng”, sau khi các bị hại đã gửi thông tin nêu trên cho các bị cáo, nếu bị hại nào chưa đăng ký lập tài khoản Ví điện tử Momo (sau đây gọi tắt là ví Momo) thì các bị cáo sử dụng điện thoại của mình đăng nhập vào ứng dụng ví Momo và dùng số điện thoại của bị hại để lập ví Momo. Sau khi đăng ký ví Momo xong sẽ có mã OTP gửi về số điện thoại của bị hại, các bị cáo nhắn tin yêu cầu bị hại cung cấp mã OTP trên với lý do để mở khoản vay, sau đó các bị cáo nhập mã OTP vào máy điện thoại và khi đó các bị cáo đã chiếm được quyền sử dụng ví Momo mang tên bị hại. Các bị cáo tiếp tục sử dụng số thẻ ATM của bị hại để liên kết tài khoản ngân hàng với ví Momo của bị hại, khi thực hiện thao tác liên kết tài khoản ngân hàng với ví Momo thì sẽ có tin nhắn mã OTP gửi đến điện thoại của bị hại, các bị cáo tiếp tục yêu cầu bị hại nhắn tin cung cấp mã OTP trên cho các bị cáo với lý do cung cấp mã này để xét duyệt khoản vay với ngân hàng. Khi có được mã OTP, các bị cáo đã liên kết thành công tài khoản ngân hàng của bị hại với ví Momo và tiếp tục nhắn tin cho bị hại yêu cầu họ trong tài khoản ngân hàng bắt buộc phải có ít nhất 2.000.000 đồng để chứng minh thu nhập mới vay được tiền, một số bị hại đã chụp màn hình điện thoại thể hiện số dư trong tài khoản hoặc ảnh nạp tiền vào tài khoản ngân hàng của họ rồi gửi cho các bị cáo. Khi đã chắc chắn trong tài khoản của bị hại có tiền, các bị cáo thao tác chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng vào tài khoản ví Momo của bị hại rồi chiếm đoạt.

Đối với các bị hại đã đăng ký sử dụng ví Momo thì các bị cáo sử dụng điện thoại của mình để đăng nhập vào ví Momo của họ, khi ví Momo yêu cầu nhập mật khẩu, do không có mật khẩu nên các bị cáo đã sử dụng thông tin của bị hại như đăng nhập số điện thoại, số chứng minh nhân dân và 04 số cuối của thẻ ATM để đổi mật khẩu. Khi có mã OTP gửi vào tin nhắn điện thoại của bị hại, các bị cáo yêu cầu bị hại nhắn tin gửi mã OTP rồi thực hiện đổi mật khẩu ví Momo của bị hại, các bị cáo chiếm được quyền sử dụng ví Momo của bị hại mà bị hại không biết. Sau đó, các bị cáo thao tác chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng vào ví Momo, các bị cáo thường xuyên cập nhật tài khoản và các thao tác lệnh chuyển tiền, nếu trong tài khoản có tiền thì lập tức số tiền sẽ được chuyển vào ví Momo của bị hại. Khi chuyển được tiền vào ví Momo của bị hại, các bị cáo tiếp tục thực hiện thao tác chuyển tiền từ ví Momo của bị hại vào các ví Momo do các bị cáo đã đăng ký lập và chuyển đi, chuyển lại giữa các ví Momo.

Ngoài ra, các bị cáo còn thao tác chuyển tiền từ ví Momo của bị cáo đến ví Momo của bị hại hoặc chuyển từ ví Momo của bị hại này đến ví Momo của bị hại khác rồi chuyển lại vào tài khoản ví Momo của mình để chiếm đoạt, nhằm mục đích che giấu nguồn tiền, tránh bị phong tỏa tài khoản khi bị hại phát hiện. Mỗi ví Momo, mỗi lần các bị cáo rút được 1.000.000 đồng, khi có tiền các bị

cáo liên tục thao tác rút tiền nhiều lần, khi tiền đã được chuyển vào ví Momo của các bị cáo thì các bị cáo tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng hoặc mua hàng hóa như vàng, điện thoại, quần áo...qua hình thức chuyển khoản. Hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại được các bị cáo thực hiện riêng, không chung nhau sử dụng số tiền đã chiếm đoạt được.

Đối với các bị hại: Thông qua đơn trình báo và kết quả ủy thác điều tra xác định được 07 bị hại bị bị cáo chiếm đoạt tiền, còn các bị hại còn lại do chỉ có tên Facebook, không có họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa thể xác định được.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Phi T: Đã đăng ký lập 09 tài khoản ví Momo mang nhiều tên và số điện thoại khác nhau, bị cáo đã thao tác chuyển tiền từ tài khoản ví Momo của các bị hại đến các tài khoản ví Momo nêu trên và đã chiếm đoạt tổng số tiền là 355.369.000 đồng. Số tiền này Nguyễn Phi T đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của mình mở tại Ngân hàng A, chi nhánh M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh rồi rút ra, một phần được sử dụng để thanh toán mua vàng, điện thoại, quần áo...Số tiền chiếm đoạt được, Nguyễn Phi T chuyển cho bạn là Dương Thị Hương L giữ hộ 89.150.000 đồng. Ngày 15-4-2022, Dương Thị Hương L nhờ Vy Thảo V mang số tiền này đến nộp cho Cơ quan điều tra. Trong tổng số các bị hại đã bị Nguyễn Phi T chiếm đoạt tài sản thì xác định được 01 bị hại là chị Đoàn Thị C, từ ngày 14-12-2021 đến 24-12-2021 bị chiếm đoạt 20.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình T: Đăng ký 02 tài khoản ví Momo mang tên Huỳnh Nguyễn Công H và Huỳnh Thị Huyền T. Sau đó bị cáo đã thao tác chuyển tiền từ tài khoản ví Momo của các bị hại đến các tài khoản ví Momo nêu trên và đã chiếm đoạt tổng số tiền là 78.896.988 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Đình T còn nhờ Nguyễn Phi T chuyển tiền chiếm đoạt được của các bị hại vào các ví Momo của Nguyễn Phi T với tổng số tiền là 261.335.000 đồng, sau đó Nguyễn Phi T chuyển lại hết số tiền này cho Nguyễn Đình T. Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Đình T đã chiếm đoạt của các bị hại là 340.231.988 đồng. Trong tổng số các bị hại đã bị Nguyễn Đình T chiếm đoạt thì xác định được 01 bị hại là anh Tăng Văn T, bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T: Đăng ký 02 tài khoản ví Momo mang tên Huỳnh Thúc K và Thùy T. Bị cáo đã thao tác chuyển tiền từ tài khoản ví Momo của các bị hại đến các tài khoản ví Momo nêu trên và đã chiếm đoạt tổng số tiền là 183.003.205 đồng. Trong tổng số các bị hại đã bị Nguyễn Xuân T chiếm đoạt tiền thì xác định được 05 bị hại là anh Bùi Văn T bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ T bị chiếm đoạt 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Trường X bị chiếm đoạt 5.000.000 đồng, chị Doãn Thị Thu H bị chiếm đoạt 5.100.000 đồng, anh Trần Xuân H bị chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 76/CT-VKSLS-P2 ngày 13-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện

điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Nguyễn Phi T bị truy tố theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Đình T bị truy tố theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Xuân T bị truy tố theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng truy tố và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chị Doãn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị yêu cầu được hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 5.100.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho 03 bị cáo.

Bị hại chị Đoàn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu được hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 20.000.000 đồng.

Bị hại anh Nguyễn Trường X vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu được hoàn trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

Bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu được trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hồ Văn Q: Tại tòa, xác nhận đã thay mặt gia đình các bị cáo, trực tiếp nộp tiền khắc phục hậu quả cho các bị cáo tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, cụ thể đã nộp cho: Bị cáo Nguyễn Phi T 60.000.000 đồng; Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; sửa đổi, bổ sung nội dung Cáo trạng về số tiền bị cáo Nguyễn Phi T chiếm đoạt là 355.369.000 đồng, do đó bị cáo Nguyễn Phi T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là 616.704.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đình T phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Phi T từ 10 đến 11 năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 290, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Phi T trả lại cho chị Đoàn Thị C 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T trả lại cho anh Tăng Văn T 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T trả lại cho anh Bùi Văn T 1.000.000 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ T 5.000.000 đồng, trả lại cho anh Nguyễn Trường X 5.000.000 đồng, trả lại cho chị Doãn Thị Thu H 5.100.000 đồng, trả lại cho anh Trần Xuân H 2.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Poco F2, 01 chiếc điện thoại Redmi 7 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình T; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 thu giữ của bị cáo Nguyễn Phi T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân T. Trả lại 03 chiếc điện thoại Iphone cho các bị cáo do không liên quan đến tội phạm. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền và tài sản đã thu giữ của các bị cáo do phạm tội mà có.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi T trình bày: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phá án; đã nộp tiền bồi thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tích cực phòng chống dịch. Đề Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, 07 bị hại đều vắng mặt, trong đó các bị hại Doãn Thị Thu H, Đoàn Thị C, Nguyễn Trường X và Nguyễn Thị Mỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Tại tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Từ tháng 10-2021 đến

tháng 01-2022, Nguyễn Đình T, Nguyễn Phi T, Nguyễn Xuân T đã có thủ đoạn lập các trang cho vay vốn giả trên Facebook, đăng ký sử dụng nhiều ví điện tử Momo bằng nhiều số điện thoại (sim rác), sử dụng các thông tin do các bị hại cung cấp để chiếm quyền sử dụng tài khoản ngân hàng, tài khoản ví điện tử Momo của các bị hại rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền có trong ví Momo của các bị hại cư trú tại nhiều tỉnh, thành trên toàn quốc. Bằng thủ đoạn này, Nguyễn Phi T đã chiếm đoạt 355.369.000 đồng của các bị hại và cho Nguyễn Đình T sử dụng ví Momo của bản thân để chiếm đoạt 261.335.000 đồng, vì vậy Nguyễn Phi T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt của bản thân và số tiền đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Đình T chiếm đoạt là 616.704.000 đồng; Nguyễn Đình T đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 340.231.988 đồng; Nguyễn Xuân T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 183.003.205 đồng. Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Phi T phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Đây là vụ án đồng phạm gián đơn, xuất phát từ bản thân Nguyễn Đình T và Nguyễn Xuân T cũng đã bị chiếm đoạt tiền qua hình thức vay tiền trên mạng; Nguyễn Đình T và Nguyễn Xuân T đã cùng nhau nghiên cứu, tìm hiểu cách thức chiếm đoạt để thực hiện hành vi tương tự mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong quá trình phạm tội khi gặp khó khăn trong việc đăng quảng cáo và tài khoản không chuyên tiền về ví Momo, Nguyễn Phi T hỏi các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T đều được Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T hướng dẫn. Các bị cáo có sự trao đổi với nhau về cách thức thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không cùng nhau bàn bạc thực hiện nhằm vào một đối tượng cụ thể là ai; mỗi bị cáo tự mình thực hiện hành vi với những đối tượng cụ thể; số tiền bị cáo nào chiếm đoạt được thì bị cáo đó tự sử dụng; chỉ có bị cáo Nguyễn Đình T nhờ ví Momo của bị cáo Nguyễn Phi T để chuyển tiền, sau đó Nguyễn Phi T rút tiền chuyển trả lại toàn bộ cho Nguyễn Đình T nên Nguyễn Phi T phải chịu trách nhiệm đồng phạm với Nguyễn Đình T với vai trò giúp sức tương ứng với số tiền mà Nguyễn Đình T nhờ ví Momo của bị cáo Nguyễn Phi T để chuyển tiền. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã chiếm đoạt và đồng phạm như đã nêu trên.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, chiếm đoạt tài sản của công dân. Bản thân các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể

hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: 03 bị cáo đều là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T trong thời gian tạm giam cũng đã tác động gia đình để bồi thường cho các bị hại. Gia đình các bị cáo đã nhờ anh Hồ Văn Q đến nộp tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Gia đình bị cáo Nguyễn Phi T nộp 60.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T mỗi gia đình nộp 20.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Phi T quá trình từ khi được Cơ quan điều tra triệu tập đã tích cực hợp tác, không chỉ khai hành vi phạm tội của bản thân mà còn khai ra hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng phát hiện người phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Phi T trong thời gian địa phương bùng phát dịch Covid-19 đã tích cực tham gia chống dịch; bị hại chị Doãn Thị Thu H thông qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Xuân T không có tình tiết tăng nặng do tình tiết phạm tội nhiều lần đã được sử dụng làm tình tiết định khung hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Phi T có nhiều tình tiết giảm nhẹ cùng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đã gây ra, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần xử phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo, đảm bảo góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đều không có công việc ổn định, không đứng tên tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với Dương Thị Hương L được Nguyễn Phi T nhờ giữ hộ tiền, không biết là tiền Nguyễn Phi T phạm tội mà có, sau khi có thông tin Nguyễn

Phi T bị bắt đã nhờ Vy Thảo V đến nộp cho Cơ quan điều tra. Do vậy không có căn cứ để xử lý Dương Thị Hương L trong vụ án này.

[9] Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn có công văn về việc phối hợp đăng tin thông báo tìm bị hại nhưng chưa có bị hại nào liên hệ tố giác. Qua thông tin thu thập được từ điện thoại của Nguyễn Xuân T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ủy thác cho Cơ quan điều tra 11 tỉnh để xác minh thông tin bị hại. Tuy nhiên, ngoài các bị hại đã xác minh được nêu trên thì những người khác có người xác minh tại địa phương không có ai tên như vậy, có người đã tìm thấy nhưng qua lời khai xác định được người chiếm đoạt tài sản của họ không phải là bị cáo Nguyễn Xuân T.

[10] Về bồi thường dân sự đối với các bị hại đã xác định được: Tại phiên tòa, bị hại chị Doãn Thị Thu H, chị Đoàn Thị C, anh Nguyễn Trường X và chị Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt, qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Doãn Thị Thu H yêu cầu được trả lại số tiền là 5.100.000 đồng, chị Đoàn Thị C yêu cầu được trả lại số tiền là 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Trường X yêu cầu được hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng. Các bị hại Tăng Văn T, Bùi Văn T, Trần Xuân H mặc dù không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, buộc các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại nào thì phải trả lại cho bị hại đó.

[11] Về bồi thường dân sự đối với các bị hại chưa xác định được: Các bị hại hiện nay chưa tìm thấy có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác để buộc các bị cáo hoàn trả tiền đã bị chiếm đoạt. Về nguyên tắc bồi thường dân sự: Khi các bị hại yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại thì các bị cáo phải bồi thường; nếu các bị hại không yêu cầu các bị cáo trả lại thì không xem xét giải quyết, đó là nguyên tắc tự định đoạt về bồi thường dân sự. Do đó, số tiền và các tài sản thu giữ của các bị cáo tuy có nguồn gốc từ việc chiếm đoạt tiền của các bị hại mà có nhưng không có cơ sở để tịch thu cần trả lại cho các bị cáo để các bị cáo thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khi xác định được các bị hại và các bị hại yêu cầu trong vụ việc khác.

[12] Về xử lý vật chứng vật chứng: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[13] Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi Poco F2 và 01 chiếc điện thoại Redmi 7 thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax (bút lục số 118, 119 thể hiện bị cáo Nguyễn Phi T đã dùng chiếc điện thoại này vào mục đích phạm tội như cài ứng dụng Momo có nhiều giao dịch liên quan đến chiếm đoạt tài sản của của người khác, ứng dụng facebook có các fanpage đăng tin bài với nội dung hỗ trợ cho vay) và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 thu giữ của bị cáo Nguyễn Phi T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước.

[14] Đối với số tiền 18.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Phi T và 89.150.000 đồng do Vy Thảo V giao nộp cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[15] Đối với 02 chiếc dây chuyền, 02 chiếc lắc tay, 02 chiếc nhẫn thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình T và bị cáo Nguyễn Phi T cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[16] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình T, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân T cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[17] Đối với 01 Chứng minh nhân dân là giấy tờ cá nhân và 02 thẻ ngân hàng của bị cáo Nguyễn Phi T cần trả lại cho bị cáo.

[18] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; ý kiến của người bào chữa, phần nào phù hợp với nhận định nêu trên thì được chấp nhận; phần nào không phù hợp với nhận định nêu trên thì không được chấp nhận.

[19] Về án phí: Do bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 290, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Phi T;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 290, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đình T;

Căn cứ vào điểm b, đ khoản 2 Điều 290, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Xuân T;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi T 10 (mười) năm tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-01-2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 07 (bảy) năm tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-01-2022.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-01-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về bồi thường dân sự:

3.1. Đối với các bị hại đã xác định được:

3.1.1. Bị cáo Nguyễn Phi T phải bồi thường cho bị hại chị Đoàn Thị C số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng để bồi thường dân sự, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000425 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.1.2. Bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho bị hại anh Tăng Văn T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để bồi thường dân sự, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000426 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.1.3. Bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho các bị hại anh Bùi Văn T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, anh Nguyễn Trường X số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, chị Doãn Thị Thu H số tiền 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng, anh Trần Xuân H số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để bồi thường dân sự, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000427 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Đối với các bị hại hiện nay chưa xác định được: Các bị hại có quyền yêu cầu giải quyết bồi thường dân sự bằng một vụ việc dân sự khác.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng đồng, đã qua sử dụng, số Imei 1: 353776398181204, số sim thuê bao 0944238217; Imei 2: 353776398061406;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 màu trắng, đã qua sử dụng, số Imei 355724100219431, số sim thuê bao 0869956107;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 màu xanh đã qua sử dụng, Imei 355724101518831, số sim thuê bao 0787846077;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi K30 5G màu trắng, đã qua sử dụng, số Imei 1: 864627058890349, Imei 2: 864627058890356;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Poco F2 Pro màu xanh dương, đã qua sử dụng, số Imei 1: 866212041253349, Imei 1: 866212041253356;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 7 màu xanh, đã qua sử dụng. số Imei 1: 867204047065313, Imei 2: 867204047065321, số sim thuê bao 0879746891 và 0879020841, (tại thời điểm giao nhận vật chứng, máy bật không lên nguồn nên không kiểm tra được số Imei của điện thoại).

4.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phi T:

- 01 (một) phong bì thư dán kín, niêm phong bởi các hình dấu đỏ của Viện khoa học hình sự và các chữ ký có ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong: Vi Đức L và Nguyễn Thị Thu H (có kí hiệu số 02). Bên trong gồm có:

+ 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích nối nhau, có khối lượng 13,24 gam;

+ 01 (một) lắc tay kim loại màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích có hoa văn nối với nhau, có tổng khối lượng 17,58 gam;

+ 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn kim loại màu trắng có gắn 01 (một) viên đá không màu, hai bên cạnh nhẫn có gắn 06 (sáu) viên đá nhỏ không màu, có tổng khối lượng 7,36 gam (tính cả đá). (Theo biên bản đóng gói niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định hồi 14 giờ, 45 phút, ngày 07/4/2022, tại phòng Giám định hóa học - Viện khoa học hình sự - Bộ Công an).

- 01 (một) phong bì in chữ “CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN, PHÒNG AN NINH MẠNG & PCTPSD CÔNG NGHỆ CAO” được niêm phong dán kín, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên Nguyễn Xuân Đ, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng tiền Việt Nam, gồm: 37 (ba mươi bảy) tờ tiền mệnh giá 500.000đ/tờ, tổng cộng = 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) phong bì mặt trước in chữ “CÔNG AN TỈNH LẠNG SƠN, VĂN PHÒNG CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA” được niêm phong dán kín; phần giám lai mới niêm phong bằng chữ ký cùng tên của giám định viên Ngô Văn Đ và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì đựng 89.150.000đ (tám mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Việt Nam (là tiền thật đã được giám định), gồm các loại mệnh

giá sau: 500.000đ/tờ: 128 tờ = 64.000.000đ; 200.000đ/tờ: 100 tờ = 20.000.000đ; 50.000đ/tờ: 103 tờ = 5.150.000đ.

Tạm giữ đối với các tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) phong bì thư được niêm phong dán kín, tại vị trí niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong: Nông Đình N, Hoàng Gia Đ, Nguyễn Phi T... và hình dấu đỏ của Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao – Công an tỉnh Lạng Sơn. Bên trong phong bì gồm có:

+ 01 (một) giấy CMND mang tên Nguyễn Phi T, số 192030***, cấp ngày 09/11/2015, nơi cấp: Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Phi T, trên thẻ có ghi dãy số 4221498697673607;

+ 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Phi T, trên thẻ có ghi dãy số 9704050554399066.

4.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình T:

- 01 (một) phong bì thư dán kín, niêm phong bởi các hình dấu đỏ của Viện khoa học hình sự và các chữ ký có ghi rõ họ tên của các thành phần tham gia niêm phong: Vi Đức L và Nguyễn Thị Thu H (có kí hiệu số 01). Bên trong gồm có:

+ 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng, được chế tác dạng các mắt xích có hoa văn nối nhau, có tổng khối lượng 17,65 gam;

+ 01 (một) lắc tay kim loại màu vàng, được chế tác dạng các mắt xích dài nối với các mắt xích tròn, trên các mắt xích dài đều có hình con rồng, có tổng khối lượng 20,79 gam;

+ 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có gắn 01 (một) viên đá không màu, xung quanh nhẫn gắn các viên đá nhỏ không màu, có tổng khối lượng 10,12 gam (tính cả đá). *(Theo biên bản đóng gói niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định hồi 14 giờ, 45 phút, ngày 07/4/2022, tại phòng Giám định hóa học - Viện khoa học hình sự - Bộ Công an).*

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu vàng đồng, đã qua sử dụng, số Imei 1: 354440898501689, số sim thuê bao 0395484179. (một mắt camera đằng sau máy bị nứt).

Tạm giữ đối với các tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

4.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T: 01 (một) điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 1: 359481984868579, Imei 2: 359481984648450, số sim thuê bao 0777770975, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27 tháng 7 năm 2022).

5. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại;
- Trại tạm giam;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm